

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 98/2018/DS-ST
Ngày: 20/11/2018
V/v “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY TỈNH TIỀN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông **Trần Văn Tám**.

2/ Ông **Cao Châu Tiếp**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Công Danh** - Thư ký TAND thị xã Cai Lay.

Đại diện VKSND thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Trà My** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 163/2018/TLST-DS ngày 28/8/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2018/QĐST-DS ngày 16/10/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-DS ngày 02/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn U**, sinh 1977.(có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: 1/ Bà **Phan Thị Kim H**, sinh 1975.(vắng mặt)

2/ Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1960.(vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp D, xã E, thị xã F, Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông **Nguyễn Văn U** trình bày:

Ông và vợ chồng bà **Phan Thị Kim H**, ông **Nguyễn Thành T** là chỗ quen biết nên ông nhiều lần cho bà **H**, ông **T** vay, mượn tiền. Cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 20/7/2017, ông cho bà **H**, ông **T** vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Việc vay tiền này có làm biên nhận do chị **Hiền** ký đại diện, thời hạn cho vay là 04 ngày, không có lãi suất.

Lần 2: Ngày 24/01/2018, ông cho bà **H**, ông **T** mượn số tiền 1.600.000.000, việc mượn tiền có làm hợp đồng công chứng, thời hạn mượn là 02 tháng, thanh toán làm 02 lần: Ngày 22/02/2018 thanh toán 1.000.000.000 đồng; ngày 22/3/2018 thanh toán 600.000.000 đồng.

Từ tháng 4/2018 đến nay, ông đã nhiều lần yêu cầu bà **H**, ông **T** trả số tiền đã vay mượn nhưng bà **H**, ông **T** không trả mà hứa hẹn kéo dài thời gian cho đến nay. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà **H**, ông **T** trả cho ông số tiền 1.500.000.000 đồng. Đối với số tiền 1.600.000.000 đồng theo hợp đồng công chứng mà ông khởi kiện ông xin rút lại.

Thời hạn thanh toán: Trả làm 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* Đối với bị đơn bà **Phan Thị Kim H** và ông **Nguyễn Thành T**, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ để kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ, làm bản tự khai, tham gia hòa giải nhưng bà H, ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được. Đến phiên tòa xét xử lần thứ hai bà H, ông T vẫn vắng mặt.

* Tài liệu, chứng cứ thu thập được: Nguyên đơn cung cấp: Bản tự khai, biên nhận vay nợ, hợp đồng mượn tiền có công chứng, CMND và Sổ hộ khẩu photo, đơn đề nghị miễn nộp một phần tiền tạm ứng án phí; Bị đơn: Không có cung cấp; Tòa án thu thập: Biên bản xác minh có đối chiếu bản gốc.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000.000 đồng làm 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật; Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.600.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn; Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết :

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả nợ đã vay là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản, bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Cai Lậy nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Đối với bị đơn bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Thành T, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà H, ông T vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà H, ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

Về nội dung: Xét yêu cầu của các đương sự :

- Bị đơn không có yêu cầu phản tố nên không xét.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay mượn là 1.500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào lời trình bày và chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp thì việc cho vay giữa ông Nguyễn Văn U và bà Phan Thị Kim H, ông Nguyễn Thành T có viết giấy tay, thời hạn vay theo biên nhận ngày 20/7/2017 là 04 ngày, không có lãi suất. Đối với bà H và ông T đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ, biết được nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không gửi bản tự khai nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện và cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập cho thấy bà H, ông T có thái độ xem thường pháp luật và chứng tỏ yêu cầu khởi kiện của ông U là đúng sự thật. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H, ông T phải trả cho ông U số tiền 1.500.000.000 đồng (tuy hợp đồng vay tiền chỉ một mình bà H ký nhưng trong thời kỳ hôn nhân nên buộc vợ chồng cùng có trách nhiệm chung) theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự.

- Về yêu cầu tiền lãi: Nguyên đơn không có yêu cầu nên không xét.

- Về thời gian thanh toán: Ông U yêu cầu thanh toán làm 01 lần khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với số tiền 1.600.000.000 đồng mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn. Xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

- Về án phí: Bà Phan Thị Kim H, ông Nguyễn Thành T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: - Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Thành T liên đới trả cho ông Nguyễn Văn U số tiền là 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng.

- Thời hạn thanh toán: 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện số tiền 1.600.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn.

2. Kể từ ngày ông U có đơn yêu cầu thi hành án gửi cơ quan thi hành án dân sự, mà bà H, ông T không thanh toán hoặc chậm thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng, bà H, ông T còn phải trả cho ông U khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phan Thị Kim H và ông Nguyễn Thành T phải chịu 57.000.000 đồng; Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn U số tiền 23.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001793 ngày 27/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

4. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông U được quyền kháng cáo đề yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà H, ông T được quyền kháng cáo đề yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- Các đương sự;
- Lưu .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thanh Giảng

